TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN TP	**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH THUẬN	

Bản án số: **13**/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Như H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn BL, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận; có mặt

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Lâm Lộc 01, xã HM, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gởi đến Tòa án ngày 23 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Như H (gọi tắt là bà H) trình bày: Bà và ông Phạm Ngọc L (gọi tắt là ông L) xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện TP

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian dài, nhưng đến thời gian cách đây vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, ông bà đã ly thân nhau gần một năm nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông L

Về con chung: Bà và ông L có 2 con chung tên Phạm Đình T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2008 và Phạm Thị Thúy N, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012, các con hiện đang ở bà. Bà yêu cầu nhận trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu N và T cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông L trình bày: Ông và bà H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện TP.

Vợ chồng ông ở với gia đình bà H, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H có mối quan hệ phức tạp bên ngoài xã hội dẫn đến thường xuyên cãi vã. Bà H đuổi ông ra khỏi nhà rồi làm đơn ly hôn ông.

Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn bà H mà muốn trở về đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà H có 2 con chung tên Phạm Đình T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2008 và Phạm Thị Thúy N, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012, các cháu hiện đang ở bà H. Nếu Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn ông thì ông thống nhất giao cho bà H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và N cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông không cấp dưỡng cho bà H nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Như H đối với ông Phạm Ngọc L

Về con chung: giao 2 cháu Phạm Đình T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2008 và Phạm Thị Thúy N, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 cho bà Phan Thị Như H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về án phí: Bà Phan Thị Như H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông L; bà yêu cầu nhận trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là N và T cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và ông L có nơi cư trú tại huyện TP nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà H và ông L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 03 tháng 01 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện TP nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

3. Về yêu cầu khởi kiện của bà H: Bà H yêu cầu ly hôn ông L với lý do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đã ly thân gần một năm nay. Ông L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H có mối quan hệ phức tạp bên ngoài xã hội dẫn đến thường xuyên cãi vã. Bà H đuổi ông ra khỏi nhà rồi làm đơn ly hôn, điều đó thể hiện ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L

Về con chung: Bà H và ông L có 2 con chung tên Phạm Đình T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2008 và Phạm Thị Thúy N, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 các cháu hiện đang ở bà H. Bà H yêu cầu nhận trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu N và T cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của các cháu N và T cũng tình hình cuộc sống của các cháu hiện nay nên chấp nhận. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

Về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: bà H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Phan Thị Như H đối với ông Phạm Ngọc L; bà Phan Thị Như H được ly hôn ông Phạm Ngọc L

Về con chung: Bà Phan Thị Như H và ông Phạm Ngọc L có 2 con chung tên Phạm Đình T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2008 và Phạm Thị Thúy N, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012, hiện đang ở với bà Phan Thị Như H

Giao cho bà Phan Thị Như H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Phạm Đình T và Phạm Thị Thúy N cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Phan Thị Như H không yêu cầu ông Phạm Ngọc L cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về án phí: Bà Phan Thị Như H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 003127, ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP nên không hoàn lại cho bà số tiền này.

Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;

- UBND xã HM;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm